

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nhà học 2 tầng 6 phòng Trường mầm non xã Bình An

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định 28/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp một số nội dung về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 10/01/2024 của HĐND xã Bình An về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương, giai đoạn 2021-2025 và quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công;

Theo đề nghị của Ban Tài chính - Ngân sách, Ban Địa chính Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Nhà học 2 tầng 6 phòng Trường mầm non xã Bình An, với các nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà học 2 tầng 6 phòng Trường mầm non xã Bình An.
- Chủ đầu tư: UBND xã Bình An.
- Địa điểm xây dựng: xã Bình An, huyện Lộc Hà.

4. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

5. Quy mô đầu tư: Xây dựng nhà học 2 tầng 6 phòng theo quy hoạch tổng mặt bằng với diện tích xây dựng khoảng 580 m².

6. Tiêu chuẩn, khối lượng khảo sát xây dựng:

6.1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát địa hình

- Quy phạm thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 - 1/25.000 (phần trong nhà) số 96 TCN 42-90 do Cục Đo đạc và Bản đồ Nhà nước ban hành kèm theo quyết định Số 247/KT ngày 9/8/1990.

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 - 1/5000 (phần ngoài trời) số 96 TCN 43-90 do Cục Đo đạc và Bản đồ Nhà nước ban hành kèm theo quyết định Số 248/KT ngày 9/8/1990.

- TCXDVN 309:2004 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - yêu cầu chung.

6.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn khảo sát địa chất

- Khảo sát xây dựng - nguyên tắc cơ bản TCXD 4419-1987;

- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung TCVN 9398 - 2012;

- Khảo sát cho xây dựng- Khảo sát địa kỹ thuật cho nhà cao tầng TCVN 9363-2012;

- Khoan thăm dò địa chất công trình TCVN 9437-2012;

- Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn TCVN 9351-2012;

- Đất xây dựng - Phương pháp lấy, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu TCVN 2683-2012;

- Đất xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm TCVN 4195-2012;

- Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm TCVN 4196-2012;

- Đất xây dựng - Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm TCVN 4197-2012;

- Đất xây dựng - Các phương pháp xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm TCVN 4198-1995;

- Đất xây dựng - Phương pháp xác định sức kháng cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng TCVN 4199-1995;

- Đất xây dựng - Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm TCVN 4200-2012;

- Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm TCVN 4201-2012;

- Đất xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm TCVN 4202-2012;

- Đất xây dựng - Phân loại TCVN 5747-1993;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành xây dựng hiện hành.

6.3. Khối lượng khảo sát.

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng
I	Khảo sát địa chất		
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	1m khoan	24,0000
	Thí nghiệm mẫu nguyên dạng 9CT:		
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	6,0000
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	6,0000
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	6,0000
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo	1 chỉ tiêu	6,0000
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	1 chỉ tiêu	6,0000
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng (góc nội ma sát, lực dính kết)	1 chỉ tiêu	6,0000
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	6,0000
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	6,0000
10	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	1 chỉ tiêu	6,0000
	Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng 7CT:		
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	6,0000
12	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	6,0000
13	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	1 chỉ tiêu	6,0000
14	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích lớn nhất (dung trọng)	1 chỉ tiêu	6,0000

15	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích nhỏ nhất (dung trọng)	1 chỉ tiêu	6,0000
16	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định góc nghỉ khô	1 chỉ tiêu	6,0000
17	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, xác định góc nghỉ ướt	1 chỉ tiêu	6,0000
II	Khảo sát địa hình		
1	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường chuyên cấp II, máy toàn đạc điện tử	điểm	2,0000
2	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn hạng IV, cấp địa hình II	km	1,0000
3	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1m, cấp địa hình II	1 ha	1,0000

7. Tổng kinh phí: 397.472.000 đồng

Trong đó:

Chi phí khảo sát địa chất: 56.061.000 đồng

Chi phí khảo sát địa hình: 15.181.000 đồng

Chi phí giám sát công tác khảo sát: 2.900.000 đồng

Chi phí thiết kế bản vẽ thi công: 323.330.000 đồng

8. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn ngân sách xã và Chủ đầu tư huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông Công chức Văn phòng - thống kê, Công chức Tài chính - kế toán, Công chức Địa chính - xây dựng và môi trường và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, HSXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Hồng Thuần